

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2025

**BẢN ĐÁNH GIÁ VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN,
PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ,
VIỆC BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC
TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU
VÀ BIỆN PHÁP TỔ CHỨC, HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT DÂN SỐ**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Y tế đã tiến hành đánh giá về thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số, kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự án Nghị định Quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số

Ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ sáu của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII đã ban hành Nghị quyết về công tác dân số trong tình hình mới. Nghị quyết khẳng định “Tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Công tác dân số phải chú trọng toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ hữu cơ với các yếu tố kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh bảo đảm phát triển nhanh và bền vững”. Nghị quyết đặt ra mục tiêu “Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững”. Đây là những quan điểm, mục tiêu xuyên suốt, cần được thể chế hóa bằng pháp luật dân số. Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới: “Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số phù hợp với những thay đổi về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân cư, đáp ứng yêu

cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Trong đó đẩy nhanh tiến độ xây dựng Luật Dân số theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng...”.

Luật Dân số được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10/12/2025. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026 thay thế Pháp lệnh Dân số số 06/2003/PL-UBTVQH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh số 07/2025/UBTVQH15. Luật Dân số được ban hành nhằm tạo cơ sở pháp lý cao nhất để giải quyết toàn diện công tác dân số cả về quy mô dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân số và chất lượng dân số; đáp ứng yêu cầu chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển... sau hơn 20 năm thi hành, Pháp lệnh Dân số có một số hạn chế, tồn tại để đáp ứng yêu cầu của công tác dân số trong tình hình mới.

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

- Xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số

Rà soát nội dung dự án Luật, xác định các nội dung phân quyền, phân cấp trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác dân số. Việc phân quyền, phân cấp phải bảo đảm rõ chủ thể, nội dung, phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, công khai theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

- Rà soát nội dung dự án Luật, xác định các nội dung liên quan đến vấn đề bình đẳng giới, thực hiện chính sách dân tộc, trên cơ sở đó đánh giá, xem xét yêu cầu về nội dung và trình tự, thủ tục quy định tại Điều 21 Luật Bình đẳng giới, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật liên quan về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, thực hiện chính sách dân tộc trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá tác động thủ tục hành chính

TTHC được quy định trong dự thảo Luật Dân số có 05 thủ tục bao gồm: Thủ tục đăng ký hưởng chính sách duy trì mức sinh thay thế; thủ tục đề nghị hỗ trợ khi sinh đủ hai con gái; thủ tục đề nghị hỗ trợ khám thai, sàng lọc trước sinh và sơ sinh; thủ tục xác nhận khám sức khỏe trước hôn nhân; thủ tục đề nghị hỗ trợ nhà ở xã hội cho đối tượng dân số.

Một số quy định dự kiến quy định trong Luật sẽ được quy định trong văn bản của Chính phủ mà không quy định cụ thể trong Luật Dân số, dự thảo Luật Dân số dự kiến giao Chính phủ quy định chi tiết một số điều khoản, trong đó cũng sẽ giao Chính phủ quy định các TTHC nếu thấy cần thiết mà không quy định TTHC trực tiếp tại dự thảo Luật. Trong quá trình xây dựng các văn bản hướng dẫn Luật, Bộ Y tế sẽ tiến hành đánh giá cụ thể sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp của TTHC.

Một số quy định khác trong dự thảo Luật Dân số không quy định trực tiếp các thủ tục hành chính cụ thể mà chủ yếu thực hiện các thủ tục hành chính hiện

có của các luật liên quan đến nội dung dự kiến quy định (như Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Luật Dược và một số văn bản có liên quan). Vì vậy, việc đánh giá các thủ tục này trong Dự thảo Luật Dân số được thực hiện thông qua các TTHC liên quan đã được công bố, thực hiện, việc tính toán chi phí tuân thủ TTHC chỉ mang tính định tính, chưa thể lượng hóa được do phụ thuộc vào số lượng đối tượng tuân thủ TTHC.

Các TTHC được thiết kế đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện, giảm thiểu giấy tờ và thời gian. Phân cấp cho UBND cấp xã tiếp nhận và giải quyết; có thể tích hợp liên thông với cơ sở dữ liệu hộ tịch, bảo hiểm, y tế.

2. Việc phân quyền, phân cấp

Thể chế hóa nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025, dự thảo đã quy định những nội dung sau:

- Dự thảo Luật quy định 03 Điều giao Chính phủ quy định để bảo đảm phù hợp về mặt thẩm quyền cũng như tăng cường phân cấp, phân quyền trong dự thảo Luật.
- Dự thảo quy định 02 Điều dự kiến giao trách nhiệm cho Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hoặc thực hiện.

Dự thảo quy định phân cấp, phân quyền trong thực hiện công tác dân số cho chính quyền địa phương hướng dẫn, tổ chức thực hiện, kiểm tra, trong việc xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật về dân số.

Nguyên tắc: Phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm và nguồn lực thực hiện.

Nội dung phân cấp, phân quyền cụ thể: Chính phủ ban hành chính sách dân số tổng thể, danh mục biện pháp ưu tiên toàn quốc; Bộ Y tế ban hành hướng dẫn chuyên môn, giám sát, kiểm tra; UBND cấp tỉnh xây dựng kế hoạch, bố trí ngân sách địa phương, quyết định mức chi cụ thể; UBND cấp xã xác nhận hồ sơ, tổ chức truyền thông, quản lý nhóm đối tượng.

Đánh giá: Phân cấp rõ, có điều kiện thực hiện đi kèm, tránh hình thức.

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/10/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới. Các giải pháp nhằm ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong dân số và phát triển đã được xác định như: “ Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số...; chính sách đặc biệt để đào tạo, phát triển, thu hút tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước hoạt động lĩnh vực chuyển đổi số, phát triển sản phẩm công nghệ số, công nghiệp an ninh mạng. Xây dựng và dùng chung các nền tảng số

quốc gia, vùng, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực; ... xây dựng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây; thu hút doanh nghiệp nước ngoài đặt trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây tại Việt Nam... ; Xây dựng, phát huy hiệu quả dữ liệu quốc gia, dữ liệu của bộ, ngành, địa phương bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ. Có cơ chế, chính sách bảo đảm dữ liệu thành nguồn tài nguyên tư liệu sản xuất quan trọng. Xác lập quyền sở hữu, kinh doanh dữ liệu và phân phối giá trị tạo ra từ dữ liệu. Phát triển kinh tế dữ liệu, thị trường dữ liệu và các sản phẩm dịch vụ dữ liệu. Xây dựng các cơ sở dữ liệu lớn có chủ quyền của Việt Nam. Hình thành ngành công nghiệp dữ liệu lớn của Việt Nam. Phát triển mạnh mẽ ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng; ... Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế số; đẩy mạnh sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics”

Thể chế hóa Nghị quyết 57-NQ/TW nêu trên, Dự thảo Luật đã quy định các nội dung nhằm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cụ thể:

- Khoản 13 Điều 7 quy định: *“Có chính sách đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực dân số”*.

- Điểm c, điểm d khoản 1 Điều 27 quy định: *“c. Tổ chức nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong dân số; d. Phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số, kết nối liên thông, đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan phục vụ công tác hoạch định chính sách dân số”*.

Nhìn chung, những quy định trên cho thấy dự thảo luật đã thể chế hóa đầy đủ chủ trương, chính sách của Đảng và nước về việc thúc đẩy ứng dụng KH-CN và chuyển đổi số: nội dung này được lồng ghép từ chính sách của Nhà nước (Điều 7), quản lý nhà nước về dân số (Điều 27). Các quy định mang tính định hướng rộng, chưa nêu giải pháp kỹ thuật cụ thể nhưng tạo hành lang pháp lý rõ ràng để sau này Chính phủ và Bộ Y tế ban hành hướng dẫn chi tiết.

4. Việc bảo đảm bình đẳng giới

Vấn đề dân số và phát triển với bình đẳng giới là hai vấn đề song hành có những tác động qua lại lẫn nhau trong xu thế phát triển. Dân số ổn định, xã hội phồn vinh, gia đình hạnh phúc là một mục tiêu của phát triển dân số; bình đẳng giới trong xu thế phát triển cũng là một mục tiêu của phát triển dân số bảo đảm quá trình phát triển con người công bằng, bình đẳng; đồng thời cũng phát huy vai

trò tích cực của mỗi giới trong sự phát triển của gia đình và đất nước. Mỗi sự phát triển của dân số có tác động đến tình trạng bình đẳng giới.

Bình đẳng giới trong mỗi quan hệ với dân số được thể hiện: Bình đẳng giới trong gia đình là việc vợ chồng có quyền quyết định đến sinh con, nuôi dạy con; chia sẻ công việc gia đình; bàn bạc thống nhất, đưa ra các quyết định liên quan đến kiểm soát, sử dụng nguồn lực trong gia đình; kế hoạch hóa gia đình; phòng, chống bệnh lây truyền; giáo dục con cái; tôn trọng, chia sẻ trong mỗi quan hệ gia đình và bên ngoài gia đình. Bình đẳng giới trong thực thi chính sách của Đảng và Nhà nước thể hiện trong các mối quan hệ xã hội chia sẻ, giúp đỡ bảo đảm sự công bằng, bình đẳng; trong cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp bình đẳng giới được thể hiện bằng việc giúp đỡ, tạo điều kiện, phát hiện, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng đúng nguồn lực để mỗi cá nhân có điều kiện công tác tốt và phát triển, nâng cao năng lực chuyên môn, rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức phù hợp với yêu cầu mới của đất nước; việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với tình hình thay đổi của xã hội, đất nước cùng với việc hướng dẫn, tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức thực hiện tốt bảo đảm sự thành công của thực hiện bình đẳng giới.

Dân số tác động tới bình đẳng giới đó là dân số phát triển ổn định về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng sẽ tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển như nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống, giảm sức ép của dân số tăng nhanh tới kinh tế, xã hội, tài nguyên môi trường tạo điều kiện phát triển bền vững của đất nước. Qua đó cũng tạo ra động lực trong việc thực hiện bình đẳng giới. Gia đình sinh ít con có điều kiện quan tâm, chia sẻ chăm sóc con cái, đầu tư cho giáo dục, y tế, lựa chọn nghề nghiệp của con cái công bằng hơn; ở tầm vĩ mô đất nước có điều kiện tích lũy nguồn lực vật chất cho việc ban hành thực hiện các chương trình dự án, chương trình giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới góp phần vào việc thực hiện bình đẳng giới; phát hiện, bồi dưỡng, bố trí, sắp xếp nguồn lực con người công bằng tạo điều kiện để bảo đảm cơ cấu về giới tham gia lãnh đạo và quản lý xã hội, phát huy trí tuệ của giới trong công cuộc phát triển đất nước và xây dựng gia đình văn hóa.

4.1. Mục tiêu lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (LGVĐBDG) trong dự thảo Luật Dân số

Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng dự án Luật dân số bảo đảm hướng tới các mục tiêu sau:

- Cụ thể hóa các quy định về bảo vệ quyền con người, nguyên tắc bình đẳng giới đã được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 và trong những văn bản pháp luật khác có liên quan (Bộ luật Lao động, Bộ luật Hình sự 2015, Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Bộ luật Dân sự 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015...)

- Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong các quy định của dự thảo Luật với các quy định pháp luật hiện hành về bình đẳng giới trong các lĩnh vực liên quan (y tế, giáo dục, bảo hiểm xã hội....)

- Bảo đảm tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là Công ước CEDAW; phù hợp với khuyến nghị chung của Ủy ban CEDAW liên quan đến việc bảo đảm các quyền con người của nữ giới và nam giới trong mọi lĩnh vực đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình.

4.2. Việc tuân thủ các quy định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quá trình xây dựng dự án Luật Dân số

Luật Dân số được xây dựng theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, theo đó việc LGVĐBĐG được thực hiện ở cả hai giai đoạn là lập đề nghị xây dựng Luật và soạn thảo dự án Luật. Cụ thể:

a) Việc tuân thủ quy định Đánh giá tác động giới của các chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Dân số: Bộ Y tế, cơ quan giúp Chính phủ lập đề nghị xây dựng Luật Dân số đã thực hiện việc xây dựng nội dung và đánh giá tác động của các chính sách trong lĩnh vực dân số, trong đó, có đánh giá tác động giới. Kết quả của hoạt động này là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Dân số.

Trong quá trình soạn thảo Dự án Luật, tại các phiên họp bàn về mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, những định hướng lớn của dự án Luật, Ban soạn thảo, Tổ biên tập và cơ quan chủ trì đều chú trọng xem xét việc LGVĐBĐG, việc quy phạm hóa đúng đắn, đầy đủ nội dung và giải pháp chính sách đã được lựa chọn trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách để giải quyết vấn đề của thực tiễn, trong đó có các giải pháp để giải quyết các vấn đề giới.

Ban soạn thảo đã phối hợp cùng cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến các cơ quan liên quan, các tổ chức, cá nhân là đối tượng chịu tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của các chính sách trong Dự án Luật, ý kiến phản biện xã hội của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc LGVĐBĐG.

Yêu cầu bảo đảm: Không lựa chọn giới tính thai nhi, bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em gái, bình đẳng trong chăm sóc sức khỏe sinh sản.

b) Nội dung LGVĐBĐG trong Dự án Luật Dân số:

Nội dung của dự thảo Luật kế thừa những quy định còn phù hợp của Pháp lệnh Dân số, không có vấn đề bất bình đẳng giới, không phân biệt đối xử nam, nữ trong việc cung cấp, tiếp nhận dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Các quy định trong dự thảo Luật cũng bảo đảm đúng nguyên tắc về bình đẳng giới, không có sự phân biệt về giới; một trong các nguyên tắc của công tác dân số là nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện, cụ thể là “Bảo đảm việc chủ động, tự nguyện, bình đẳng và đề cao trách nhiệm của mỗi cá nhân, gia đình trong tiếp cận dịch vụ dân số. Bảo đảm cân bằng, hài hoà giữa quyền và nghĩa vụ của người dân,

của doanh nghiệp, trách nhiệm của Nhà nước” (khoản 2, khoản 3 Điều 3, dự thảo Luật Dân số).

Tác động giới của các quy định trong dự thảo Luật Dân số (liên quan đến các chính sách, giải pháp chính sách đã được lựa chọn và những quy định có nội dung có tác động về giới).

- Việc quy phạm hóa giải pháp được thể hiện trong dự thảo Luật dân số như sau:

“Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân trong việc sinh con, chăm sóc sức khỏe sinh sản

1. Quyết định về thời gian sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh phù hợp với lứa tuổi, tình trạng sức khỏe, điều kiện học tập, lao động, công tác, thu nhập và nuôi dạy con của cặp vợ chồng, cá nhân trên cơ sở bình đẳng.

2. Bảo vệ sức khỏe, thực hiện các biện pháp phòng ngừa bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản, bệnh lây truyền qua đường tình dục, HIV/AIDS và thực hiện các biện pháp khác liên quan đến chăm sóc sức khỏe sinh sản.

Điều 14. Duy trì mức sinh thay thế

1. Các biện pháp để duy trì mức sinh thay thế, bao gồm:

a) Trường hợp sinh con thứ hai, thời gian nghỉ thai sản đối với lao động nữ là 07 tháng; lao động nam là 10 ngày làm việc khi vợ sinh con;

b) Hỗ trợ tài chính khi sinh con đối với phụ nữ dân tộc thiểu số rất ít người; phụ nữ ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có mức sinh dưới mức sinh thay thế;

c) Hỗ trợ tài chính khi sinh con đối với phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi;

d) Ưu tiên mua, thuê mua hoặc thuê nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở đối với người có từ 02 con để trở lên;

đ) Biện pháp khác do Chính phủ quyết định.

2. Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, Chính phủ quy định mức hưởng, trình tự, thủ tục tại điểm b, điểm c khoản 1 và điều kiện, thủ tục hưởng tại điểm a, điểm d khoản 1 Điều này.

3. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, chính quyền địa phương cấp tỉnh quy định:

a) Mức hỗ trợ không thấp hơn mức hỗ trợ do Chính phủ quy định;

b) Đối tượng, biện pháp duy trì mức sinh thay thế khác với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Định kỳ hằng năm cơ quan phụ trách thống kê của Chính phủ công bố tình trạng mức sinh để chính quyền địa phương cấp tỉnh xây dựng, thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phù hợp.

Điều 15. Giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh

1. Khuyến khích đưa nội dung không trọng nam hơn nữ, không lựa chọn giới tính khi sinh vào hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

2. Đình chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người có hành vi phá thai vì lý do lựa chọn giới tính thai nhi; thông báo, tiết lộ thông tin về giới tính

thai nhi, trừ trường hợp do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định để phục vụ chẩn đoán và điều trị các bệnh liên quan đến giới tính. Việc đình chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thực hiện theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

3. Định kỳ hằng năm cơ quan phụ trách thống kê của Chính phủ công bố tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh để chính quyền địa phương cấp tỉnh xây dựng, thực hiện biện pháp can thiệp phù hợp.”

Dự thảo Luật quy định để không chế có hiệu quả tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, tiến tới đưa tỷ số giới tính khi sinh trở lại mức cân bằng tự nhiên; đến năm 2030 tỉ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống.

Nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi và phân biệt đối xử giới dưới mọi hình thức; Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới; đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi về không lựa chọn giới tính thai nhi; xây dựng và thực hiện các chuẩn mực xã hội bảo đảm sự bình đẳng giới trong việc thờ cúng tổ tiên, nối dõi tông đường, thừa kế; tổ chức thực hiện hiệu quả quy định nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức.

Lựa chọn giới tính thai nhi làm mất cân bằng giới tính khi sinh đã trở thành vấn đề nghiêm trọng bởi hậu quả và những hệ lụy là khôn lường, là biểu hiện nghiêm trọng của việc phân biệt đối xử về giới. Tuy nhiên, mục tiêu và giải pháp để giảm nhanh tỷ số giới tính khi sinh đòi hỏi phải có thời gian và huy động nhiều nhân lực, chi phí lớn. Qua phân tích những nguyên nhân làm mất cân bằng giới tính khi sinh, thực trạng pháp luật, tham khảo kinh nghiệm quốc tế, giải pháp đề xuất trong dự thảo Luật là hợp lý, có nhiều tác động tích cực trong việc không chế tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, phù hợp với các quy định của Công ước CEDAW và Công ước về Quyền trẻ em và các cam kết quốc tế của Việt Nam về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử giới, đặc biệt đối với trẻ em gái và việc coi trọng nam giới hơn phụ nữ.

Luật Dân số quy định tại về tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân để nâng cao chất lượng dân số, chất lượng cuộc sống, bảo đảm hạnh phúc hôn nhân, cụ thể là bảo đảm cuộc hôn nhân bền vững; sinh ra những đứa trẻ khỏe mạnh; phòng, tránh các bệnh lây truyền qua đường tình dục; đến năm 2030, tỷ lệ nam nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%.

Nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ tự nguyện thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân bao gồm những nội dung liên quan đến bệnh di truyền, bệnh lây truyền qua đường tình dục, bệnh liên quan đến thụ thai, mang thai, bệnh gây nguy hiểm cho sự phát triển bình thường của thai nhi và các nội dung khác. Những người có tiền sử gia đình có người mắc bệnh di truyền, người có nguy cơ bị khuyết tật về gen; người bị nhiễm chất độc hóa học; người thường xuyên tiếp xúc với hóa chất độc hại và các bệnh lây nhiễm; người có tiền sử sử dụng lâu dài các loại thuốc đặc hiệu, nghiện thuốc lá, nghiện rượu; người có bố, mẹ đẻ là những người cùng dòng máu về trực hệ hoặc có họ trong phạm vi ba đời phải được vận động đi kiểm

tra sức khỏe trước khi có ý định sinh con. Quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về y tế, dân số, cơ sở thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân trong việc thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân. Nhà nước bảo đảm chi phí cho nam, nữ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn theo giá dịch vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân mới được triển khai ở nước ta theo dạng mô hình, nhưng nó đã nhận được sự quan tâm, ủng hộ của đông đảo tầng lớp cán bộ, nhân dân trong cả nước. Nhìn chung, mô hình này thể hiện nguyên tắc bình đẳng giới, không phân biệt đối xử về quyền và trách nhiệm của nam, nữ hay vợ, chồng đã có tác động tích cực, được cả cán bộ, nhân dân và người cung cấp dịch vụ đánh giá cao. Trong giai đoạn hiện nay, khuyến khích khám sức khỏe trước hôn nhân, đồng thời quy định Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho người trong độ tuổi sinh đẻ có nguy cơ cao là phù hợp với nguyên tắc bình đẳng giới, bảo vệ bà mẹ theo Luật bình đẳng giới và có tính khả thi về việc thực hiện trong điều kiện ngân sách Nhà nước có hạn.

Quy phạm hóa giải pháp trong dự thảo Luật Dân số:

“Điều 20. Tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn

1. Khuyến khích nam, nữ chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2. Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và khả năng cân đối ngân sách, chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định việc hỗ trợ kinh phí tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn.

Điều 21. Sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh

1. Khuyến khích khám sàng lọc bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh cho phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh theo danh mục bệnh bẩm sinh cần sàng lọc do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định.

2. Kinh phí khám sàng lọc một số bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh từ nguồn kinh phí nhà nước, bảo hiểm y tế và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và khả năng cân đối nguồn kinh phí:

a) Chính phủ quy định cụ thể phạm vi, đối tượng, mức hỗ trợ khám sàng lọc một số bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh theo lộ trình ưu tiên;

b) Chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định bổ sung hỗ trợ kinh phí khám sàng lọc bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh ngoài quy định tại điểm a khoản này.

3. Việc chẩn đoán, điều trị bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh thực hiện theo pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, pháp luật về bảo hiểm y tế.”

Các biện pháp thực hiện bằng cách đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục bảo đảm cho các đối tượng thấy được lợi ích, sự cần thiết để chủ động, tự nguyện thực hiện các biện pháp tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh, mang lại hạnh

phúc, sự phát triển của bản thân và gia đình. Bộ Y tế quy định giải pháp này là hợp lý, có nhiều tác động tích cực hơn trong việc nâng cao chất lượng dân số, đồng thời cũng phù hợp điều kiện ngân sách và thực hiện chính sách xã hội. Giải pháp nêu trên cũng phù hợp với các quy định của Điều 12 Công ước quốc tế về các Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR) mà Việt Nam là thành viên về quyền được hưởng một tiêu chuẩn sức khỏe về thể chất và tinh thần ở mức cao nhất có thể.

Tác động: Góp phần tích cực thu hẹp khoảng cách giới, nâng cao quyền năng phụ nữ. Không phát hiện yếu tố tiêu cực về giới trong dự thảo.

Nội dung: Dự thảo đã quy định đầy đủ về quyền sinh con của cả nam và nữ, khuyến khích nam giới tham gia chăm sóc con; nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi.

Đánh giá tác động: Góp phần giảm định kiến giới, nâng cao vị thế phụ nữ, thúc đẩy bình đẳng giới.

Tính khả thi: Có quy định cụ thể về chính sách, tuyên truyền, giám sát, chi phí hỗ trợ.

5. Việc thực hiện chính sách dân tộc

Quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về dân tộc, xuyên suốt mọi thời kỳ cách mạng là: “Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ nhau cùng phát triển”, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là “Nhà nước thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam”. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng khẳng định “Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”. Có thể tổng kết quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề dân tộc, đoàn kết dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc ở những nội dung cơ bản sau:

- Bình đẳng giữa các dân tộc trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Bình đẳng giữa các dân tộc là nội dung cốt lõi của chính sách dân tộc. Các dân tộc không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ phát triển cao hay thấp, đều có địa vị pháp lý ngang nhau về quyền lợi và nghĩa vụ trong mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội.

Quyền bình đẳng giữa các dân tộc được ghi nhận với tính chất là một nguyên tắc hiến định trong Hiến pháp và được thể hiện thống nhất trong toàn bộ hệ thống pháp luật. Nhà nước đầu tư cho sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, duy trì nòi giống, phát triển giáo dục cho đồng bào các dân tộc.

Trong quá trình soạn thảo dự thảo Luật Dân số, Bộ Y tế đã nghiêm túc rà soát, nghiên cứu, thể chế các chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước. Qua rà soát, một số quy định tại dự thảo liên quan đến chính sách dân tộc như: Đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và đối tượng có

hoàn cảnh gia đình khó khăn được Nhà nước hỗ trợ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, thực hiện tầm soát, chẩn đoán và điều trị trước sinh và sơ sinh. Ưu tiên tiếp cận thông tin, giáo dục, truyền thông; ưu tiên trong đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ,...

Có thể thấy, dự thảo Luật đã lồng ghép chính sách dân tộc một cách rõ nét nhằm bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số thể hiện sự quan tâm đến nhóm yếu thế.

Kết luận: Dự thảo Luật Dân số đã có sự xem xét toàn diện, đầy đủ và hợp lý các yếu tố về thủ tục hành chính, phân quyền - phân cấp, bình đẳng giới và chính sách dân tộc. Các nội dung được xây dựng phù hợp với thực tiễn và không tạo gánh nặng không cần thiết cho người dân, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

Mức độ lồng ghép: Dự thảo ưu tiên vùng khó khăn, dân tộc thiểu số trong tiếp cận dịch vụ và hỗ trợ tài chính.

Khả năng tiếp cận: Có quy định cụ thể về nhóm đối tượng, giảm rào cản ngôn ngữ, địa lý.

Tính khả thi: Có thể sử dụng nguồn từ chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách địa phương.

Trên đây là Bản đánh giá về thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Luật Dân số./.